

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**



KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

**KHOA NGỮ VĂN ANH
GIAI ĐOẠN 2011 – 2015**

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 1 NĂM 2012

PHẦN I

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. TÊN KHOA

- Tên tiếng Việt: Khoa Ngữ văn Anh
- Tên tiếng Anh: Faculty of English Linguistics and Literature

2. TÊN VIẾT TẮT

- Tên tiếng Việt: NVA
- Tên tiếng Anh: EF

3. CƠ QUAN CHỦ QUẢN

Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

4. ĐỊA CHỈ:

- Cơ sở 1: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- Cơ sở 2: Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP.HCM

5. LIÊN LẠC

Điện thoại:

- Văn phòng Khoa: (+848) 38243328
- Phòng Giáo vụ: (+848) 39100470

Email:

- nguvananh@hcmussh.edu.vn (Vp. BCN Khoa)

6. LOẠI HÌNH TRƯỜNG

Công lập

7. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Khoa NVA là Ban Anh văn của Trường ĐH Văn khoa thuộc Viện ĐH Sài Gòn. Sau giải phóng, Trường ĐH Văn khoa được sáp nhập với Trường ĐH Khoa học để thành lập trường ĐH Tổng hợp TP. HCM và Ban Anh văn được sắp xếp lại vào Khoa Ngữ văn nước ngoài của Trường. Do nhu cầu phát triển của Trường, năm 1990 Khoa NVA được tách ra và dần tạo được uy tín trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ ở khu vực phía Nam. Năm 1996 đánh dấu sự ra đời của Trường ĐH KHXH&NV trực thuộc ĐHQG-HCM, và Khoa NVA tiếp tục là một trong những khoa vững mạnh, góp phần tạo nên danh tiếng của Trường trong lĩnh vực đào tạo và NCKH ở khu vực phía Nam.

Mục tiêu hàng đầu của Khoa là mang đến cho sinh viên một môi trường dạy và học tiếng Anh chuẩn mực và chuyên nghiệp. Học tập ở Khoa NVA cũng có nghĩa là làm việc trong một môi trường học thuật đầy tính năng động, kích thích sự tìm tòi và sáng tạo của SV. Các yếu tố này có được nhờ vào đội ngũ 44 GV cơ hữu và đội ngũ GV mời giảng khá đông được đào tạo trong và ngoài nước. Thông qua CTĐT được thiết kế khoa học và luôn cập nhật, các GV còn tạo nên một môi trường học tập cho SV rèn luyện để đạt được kỹ năng ngôn ngữ cao cấp và kiến thức ngôn ngữ toàn diện. Khoa NVA đào tạo các chuyên ngành Ngữ học- Dạy tiếng, Văn hóa và Văn học (Anh-Mỹ), cũng như Biên-phiên dịch. Khoa đảm nhiệm đào tạo 1.200 SV hệ chính quy tập trung và khoảng 3.500 SV của các hệ đào tạo khác. Trung bình, có 5000 SV và HV các hệ đang theo học tại Khoa.

Khoa NVA còn là cơ sở đào tạo giáo viên tiếng Anh cho thành phố và các tỉnh phía Nam. Từ năm 1999 Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành *Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh* (đến tháng 7/2009 đã có 144/344 HVCH được nhận bằng Thạc sỹ). Khoa cũng đã liên kết đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành *Ngôn ngữ học ứng dụng (Master of Applied Linguistics)* và Tiến sỹ chuyên ngành *Giáo dục học (Doctor of Education)* với ĐH La Trobe (Úc) và cấp bằng cho 75/182 HVCH và 2/11 NCS.

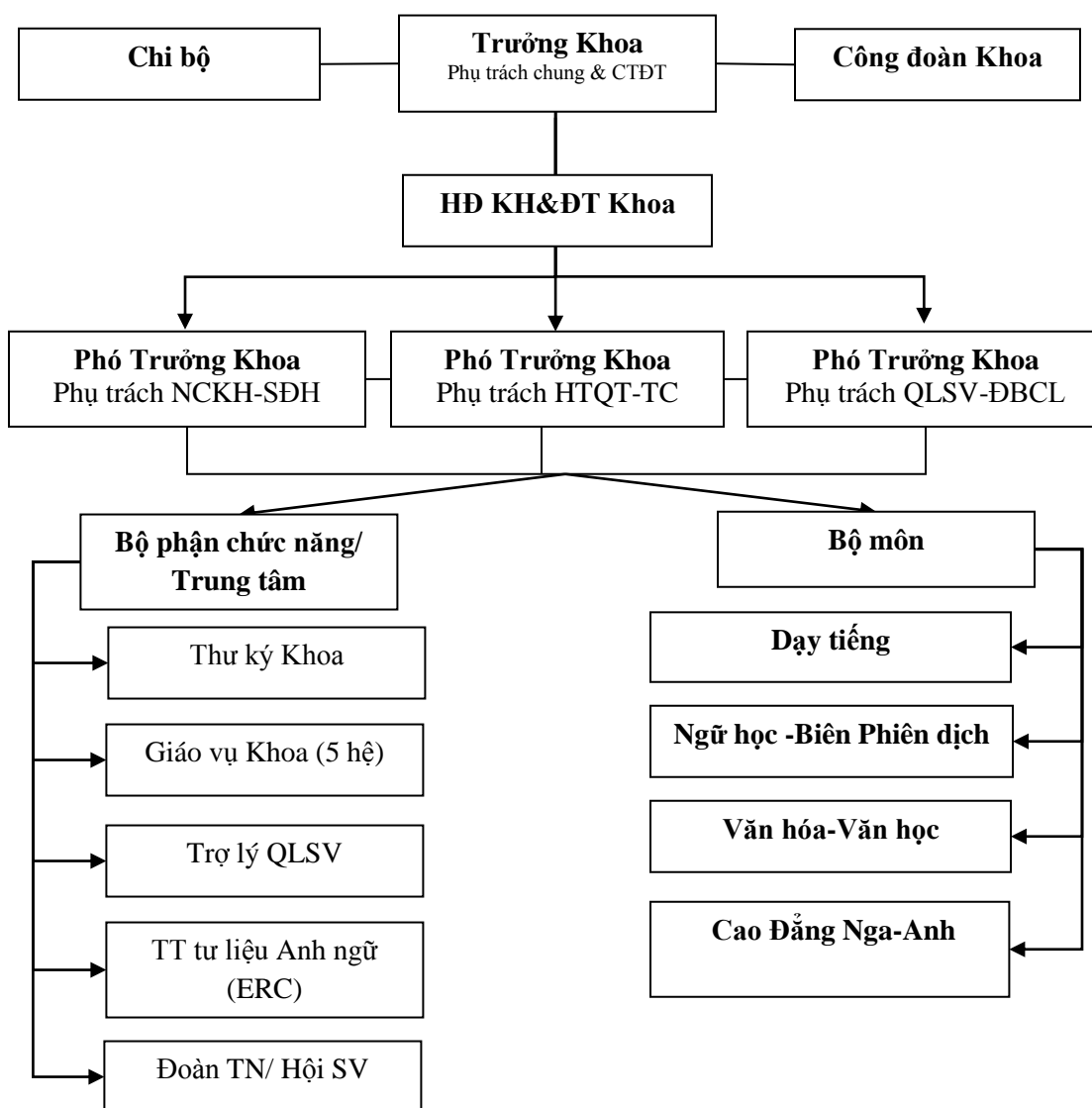
8. ĐỘI NGŨ

Khoa Ngữ văn Anh có một đội ngũ gồm có 56 cán bộ, viên chức, giảng viên; trong đó có 44 cán bộ giảng dạy và nghiên cứu gồm: 8 Tiến sĩ; 25 Thạc sĩ, được đào tạo tại Việt Nam và các nước khác như Mỹ, Anh, Úc, Philippines, Thái Lan. Nhiều giảng viên đã tu nghiệp và thỉnh giảng tại các trường đại học trên thế giới.

9. CƠ CẤU TỔ CHỨC:

Khoa Ngữ văn Anh Trường ĐHKHXH&NV được thành lập vào năm 1996 (tuy nhiên Khoa được hình thành từ nền tảng ban đầu là Ban Anh văn của ĐH Văn khoa (thuộc Viện ĐH Sài Gòn thành lập năm 1955)

Sơ đồ mô tả cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa NVA



10. BỘ MÔN:

Khoa hiện có 4 bộ môn:

- **Dạy tiếng:** phụ trách giảng dạy các môn kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh cho sinh viên trong 4 học phần đầu tiên của chương trình đào tạo. Ngoài ra, bộ môn cũng đảm nhận các môn về lý thuyết và thực hành giảng dạy tiếng Anh trong giai đoạn chuyên ngành.
- **Ngữ học – Biên phiên dịch:** phụ trách giảng dạy và nghiên cứu các môn lý thuyết về Ngữ học Anh. Đồng thời, bộ môn cũng đảm nhận các môn trong lĩnh vực ứng dụng ngôn ngữ là biên dịch và phiên dịch từ Anh sang Việt, Việt sang Anh.
- **Văn hóa-Văn học:** phụ trách giảng dạy và nghiên cứu các môn học về đất nước, con người sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ chính, chủ yếu là Anh và Hoa kỳ. Bên cạnh đó, bộ môn cũng phụ trách giảng dạy các tác phẩm văn học Anh Mỹ.
- **Cao đẳng Anh –Nga:** bộ môn phụ trách giảng dạy các môn tiếng Anh ,cho sinh viên khoa Nga thuộc chương trình Song ngữ Nga-Anh.

11. QUY MÔ ĐÀO TẠO:

Khoa có hơn 3.936 sinh viên và học viên sau đại học thuộc các loại hình đào tạo khác nhau; trong đó có khoảng 050 sinh viên chính quy, (19 sinh viên nước ngoài theo học như Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản), 72 sinh viên hệ CNTT, 174 học viên cao học, 1.139 sinh viên văn bằng 2, 417 sinh viên liên thông, 1.065 sinh viên vừa làm vừa học.

Bậc đại học, Khoa có 3 chuyên ngành đào tạo (như trên).

Bậc sau đại học, Khoa có chuyên ngành Phương pháp lý luận và giảng dạy Tiếng Anh (TESOL) với quy mô 40 học viên/lớp .

Với chương trình đào tạo hiện tại, Khoa đã phân nào đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu của người học, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho TP.HCM, các tỉnh, thành phía Nam.

12 CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Khoa Ngữ văn Anh – cơ sở 10-12 Đinh Tiên Hoàng hiện có Trung tâm Tư liệu Anh ngữ (ERC) với gần 6000 đầu sách nước ngoài phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên và học viên cao học.

PHẦN II

1. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

1.1 Điểm mạnh

1.1.1 Ngành có nhu cầu xã hội cao, có thể tổ chức được nhiều loại hình đào tạo khác nhau với số lượng học viên cao.

1.1.2 Nhiều giảng viên được đào tạo từ nước ngoài, được tiếp cận với các phương pháp giảng dạy tiên tiến và từ các hạt nhân này đã xây dựng đội ngũ giảng viên có chuyên môn tốt.

1.1.3 Giảng viên có tiếng Anh tốt nên cập nhật kiến thức chuyên môn mới trên thế giới một cách hiệu quả và nhanh chóng.

1.2 Điểm yếu

1.2.1 Khối lượng công việc nặng: Xuất phát từ nhu cầu học tiếng Anh tăng cao trong xã hội nên số lượng sinh viên lên đến gần 4.500 sinh viên thuộc cả 2 bậc đào tạo đại học (4 hệ đào tạo) và bậc sau đại học. Công tác quản lý phức tạp, công tác giảng dạy chiếm nhiều thời gian của giảng viên.

1.2.2 Công tác nghiên cứu khoa học còn yếu: Giảng viên khoa còn ít tham gia nghiên cứu khoa học.

1.2.3 Đội ngũ giảng dạy:

- Không ổn định và mỏng: Luôn biến động do giảng viên thường xuyên nhận học bổng đi nước ngoài và số trở về khoa công tác là thấp. Tổng số giảng viên cơ hữu của khoa là 44 nhưng trong thực tế trong học kỳ 1 năm học 2011-2012 chỉ có 30 giảng viên cơ hữu thực sự tham gia giảng dạy.
- Không có nhiều giảng viên có học vị Tiến sĩ vì không có nhiều cơ hội học lên: Tại thành phố Hồ Chí Minh chưa có chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành tiếng Anh. Các chương trình liên kết (Đại học LaTrobe –Úc) thu học phí quá cao, vượt khả năng của giảng viên (20.000 AUD/năm/ 3 năm đào tạo) và các chương trình TS trường XHNV đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt nên không được giảng viên khoa chọn đăng ký học.

- Một số giảng viên được đào tạo trong nước thiếu kiến thức thực tế về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội Anh-Mỹ do không có nhiều cơ hội được tập huấn chuyên môn tại các nước nói tiếng Anh.

1.2.4 Thù lao giảng dạy không thỏa đáng: thù lao giảng dạy hệ ngoài chính quy của trường thấp hơn các đơn vị bên ngoài nên không khuyến khích được giảng viên giỏi dạy các lớp buổi tối và khoa phải mời nhiều giảng viên bên ngoài tham gia giảng dạy, dẫn đến khó đảm bảo sự thống nhất về phương pháp và nội dung.

1.2.5 Cơ sở vật chất yếu và thiếu:

- Ngay cả đối với hệ chính quy, khoa không được cung cấp các phòng học đạt chuẩn của một lớp học ngoại ngữ, không có bàn ghế rời để sinh viên thực hiện các hoạt động bài tập tương tác trong các giờ dạy kỹ năng thực hành tiếng.
- Các lớp ngoài chính quy buổi tối phải thuê địa điểm giảng dạy ngoài trường nên không thể cung cấp trang thiết bị (máy chiếu) để giảng viên sử dụng giáo án điện tử trong các môn lý thuyết;
- Văn phòng khoa, phòng giáo vụ chật hẹp vì thế đã bị đánh giá không đạt tiêu chí về cơ sở vật chất trong đợt kiểm định của ĐHQG vừa qua.

1.3 Cơ hội và thách thức

1.3.1 Cơ hội: Các chương trình hành động và kế hoạch chiến lược phát triển của trường Đại học KHXH&NV cam kết có những bước phát triển nhanh và Khoa Ngữ văn Anh là một trong những đơn vị được thụ hưởng từ các cơ hội này;

1.3.2 Thách thức:

1.3.2.1 Sự lớn mạnh của các đơn vị khác trong ngành tiếng Anh:

- Hiện nay, các đơn vị, trường đại học lớn hoặc thuộc khu vực nhà nước cũng như tư nhân trong thành phố đều mở các khoa chuyên ngữ tiếng Anh hoặc bộ môn tiếng Anh. Với ưu thế vị trí trong nội thành, cơ sở vật chất được đầu tư đúng chuẩn, chế độ lương hợp lý nên có sự cạnh tranh thu hút sinh viên cũng như đội ngũ giảng dạy (Đại học Hoa Sen, Đại học Mở, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Nguyễn Tất Thành...).

- Trong hệ thống ĐHQG, Đại học Quốc tế với chế độ trả thù lao cho giảng viên tiếng Anh từ 10-14 USD/tiết đã thu hút đội ngũ giảng viên giỏi của khoa NVA sang thỉnh giảng ngoài các giờ các giảng viên có lớp tại trường. Sự chênh lệch về thù lao của 2 đơn vị trong cùng một hệ thống là một thách thức lớn cho bộ phận quản lý khoa NVA để giữ được đội ngũ giảng dạy giỏi cũng như mở rộng các hoạt động chuyên môn khác bên cạnh công tác giảng dạy thường xuyên.
- Với sự phát triển của Trung tâm đào tạo khu vực SEAMEO, nơi có nhiều mối quan hệ với các tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, Khoa Ngữ văn Anh mất đi ưu thế là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực hợp tác quốc tế vì Khoa chủ yếu tập trung vào công tác giảng dạy và không có nhiều điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ chuyên nghiệp phục vụ công tác văn phòng, cũng như có ít cơ hội tiếp cận với các đơn vị giáo dục quốc tế.

1.3.2.2 Xu hướng chú trọng kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động thương mại trong bối cảnh xã hội xã hội hiện nay

Khoa Ngữ văn Anh có đối tượng nghiên cứu là ngôn ngữ và văn học Anh-Mỹ nên chương trình mang tính hàn lâm. Trong xu thế hiện nay, sinh viên có nhu cầu học các ngành kinh tế và vì thế chương trình đào tạo của khoa cần phải được định hướng lại để cân bằng mục tiêu giảng dạy mang tính hàn lâm và mặt khác vẫn đáp ứng được nhu cầu xã hội, thu hút thêm người học ;

1.3.2.3 Nhu cầu phát triển khoa Ngữ văn Anh trong trường XHNV: Khoa Ngữ văn Anh không thuộc nhóm ngành xã hội và cũng không thuộc nhóm ngành nhân văn mà có những đặc thù riêng của một khoa ngoại ngữ. Đồng thời khoa NVA cũng có những nét riêng so với các khoa ngoại ngữ khác do vai trò thiết yếu không phủ nhận được của tiếng Anh trong xã hội và trong giáo dục đại học.

Vì vậy, thách thức của khoa là làm thế nào để nhà trường nhận diện một cách đúng mức những đặc thù riêng của Khoa Ngữ văn Anh để nhận thức được một cách sâu sắc các khó khăn và hạn chế của khoa trong môi trường này và từ đó đưa đến những giải pháp hiệu quả nhằm những giảm bớt các mặt hạn chế, phát huy tối đa thế mạnh và tiềm lực của khoa, đưa khoa thoát khỏi sự bế tắc trong cơ chế quản lý hiện nay, cụ thể là trong chế độ tuyển dụng, chi trả thù lao và khen thưởng.

2. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

Để xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển, khoa Ngữ văn Anh đã tiến hành các bước sau:

1. Trên cơ sở nhận diện các mặt mạnh và yếu của đơn vị, nhóm thực hiện phác thảo các ý tưởng chính dựa trên bản Kế hoạch chiến lược của trường Đại học KHXH&NV – Tp HCM ban hành ngày 18/07/2011.
2. Gửi bản dự thảo đến các thành viên của Ban điều hành khoa góp ý để có Dự thảo 2.
3. Ngày 01/09/2011 họp Hội đồng Khoa học khoa mở rộng (bao gồm Hội đồng khoa học và các Tiến sĩ, Thạc sĩ GVC, giáo vụ các hệ, quản lý sinh viên) góp ý để có Dự thảo 3.
4. Ngày 08/09/2011 họp toàn thể giảng viên khoa góp ý để có Dự thảo 4.
5. Ngày 12/09/2011 họp Ban điều hành đề đúc kết Kế hoạch chính thức.
6. Nhóm thực hiện chỉnh sửa văn bản.
7. Ngày 11/10/2011, Nhà Trường và đại diện các phòng ban họp góp ý cho dự thảo kế hoạch chiến lược của Khoa Ngữ văn Anh.
8. Nhóm thực hiện chỉnh sửa văn bản.
9. Ngày 20/01/2012, nhóm thực hiện gửi lại Nhà Trường bản cuối cùng của kế hoạch chiến lược

PHẦN III

DỰ THẢO KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2011-2015

TẦM NHÌN, SỨ MẠNG, MỤC TIÊU CỦA KHOA NGỮ VĂN ANH

Là một trong những Khoa vững mạnh của Trường ĐHKHXH&NV, mục tiêu hàng đầu của Khoa là mang đến cho sinh viên một môi trường dạy và học tiếng Anh chuẩn mực và chuyên nghiệp. Để có thể hoàn thành trọng trách đó, Khoa Ngữ văn Anh có Tầm nhìn, Sứ mạng và Mục tiêu như sau:

1. TẦM NHÌN

Trường ĐHKHXH&NV là trường đại học định hướng nghiên cứu, từng bước tiến đến đại học nghiên cứu theo mô hình hiện đại của đại học thế giới, đóng vai trò nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học về các ngành KHXH&NV của Việt Nam và tại khu vực châu Á.

2. SỨ MẠNG

Trường ĐHKHXH&NV là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao; cung ứng nguồn nhân lực trình độ cao và có bản sắc riêng trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; cung cấp các sản phẩm khoa học làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách xã hội; góp phần tạo dựng vị thế của KHXH&NV Việt Nam trong khu vực.

3. MỤC TIÊU

Giai đoạn 2011-2015, Khoa Ngữ văn Anh tạo những bước đột phá về đào tạo, nghiên cứu khoa học để trở thành cơ sở hàng đầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa, văn học Anh-Mỹ; khẳng định vị thế của một trung tâm nghiên cứu khoa học và ứng dụng trong thực tiễn giảng dạy mang tính học thuật cao, quan trọng tại thành phố và trong khu vực.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

KHOA NGỮ VĂN ANH GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1.1 Mục tiêu chung: Phát triển nhanh, vững chắc và toàn diện nguồn nhân lực, chuẩn hoá và nâng chất đội ngũ giảng viên và chuyên viên về giảng dạy, nghiên cứu, quản lý, góp phần vào việc thực hiện mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Tăng cường số lượng giảng viên và chuẩn hoá đội ngũ giảng viên, chuyên viên của Khoa một cách mạnh mẽ nhằm giảm bớt khối lượng giờ giảng của giảng viên để cán bộ của khoa có điều kiện thực hiện quá trình hội nhập khu vực trong lĩnh vực giáo dục và nghiên cứu chuyên ngành Tiếng Anh.

1.2.2 Thay đổi cơ cấu giảng viên, tăng tỷ lệ GV có học vị Tiến sĩ, Thạc sĩ; đồng thời tạo nên sự cân đối giữa đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm và đội ngũ giảng viên trẻ, có tiềm năng.

1.2.3 Tăng cường số lượng và nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên viên hỗ trợ học tập và nghiên cứu của Khoa.

1.3 Nhóm giải pháp:

1.3.1 Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng dạy từ các nguồn:

- Sinh viên giỏi (ưu tiên thuộc chương trình CNTN) đang học liên thông chương trình Sau đại học của khoa được ký hợp đồng với trường làm công tác phục vụ nghiên cứu và giảng dạy các môn kỹ năng thực hành tiếng Anh (Language Skills 1-4);
- Giảng viên kinh nghiệm đã có bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ: Vì rất khó tuyển giảng viên có học vị Thạc sĩ, Tiến sĩ với thù lao thấp hơn các đơn vị khác như thực tế hiện nay, Khoa sẽ đề nghị nhà trường cho phép tuyển các đối tượng này mà không tính đến kết quả tốt nghiệp ở bậc đại học kèm theo điều kiện các đối tượng này đã có thâm niên cộng tác thỉnh giảng với trường ít nhất là 3 năm trước đó.
- Thỉnh giảng các Tiến sĩ từ các đơn vị ngoài trường

1.3.2 Điều chỉnh tỉ lệ giảng viên trẻ và giảng viên có kinh nghiệm;

1.3.3 Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng giảng viên trẻ bằng cách phân công cụ thể các giảng viên nhiều kinh nghiệm dự giờ và trao đổi chuyên môn hằng tuần.

1.3.4 Lập danh sách gửi lên nhà trường cử giảng viên đi du học nước ngoài theo các chương trình học bổng của nhà nước.

1.3.5 Khuyến khích giảng viên chủ động tìm nguồn học bổng của các trường, tổ chức quốc tế, và đăng ký học các chuyên ngành đào tạo có sẵn trong nước.

1.3.6 Lập danh sách chuyên viên cần được đào tạo chuyên môn quản lý, nâng cao nghiệp vụ quản lý học vụ, trình độ ngoại ngữ

1.3.7 Tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho Giảng viên và chuyên viên về thu nhập, môi trường, cơ sở vật chất. Khoa đang đề xuất với trường phương thức cho phép khoa có chế độ chi trả thù lao phù hợp với nguyện vọng giảng viên, nguồn lực tài chính của khoa từ các chương trình đào tạo ngoài chính quy.

1.4 Chỉ tiêu: Mỗi năm tăng cơ học 4-6 giảng viên và chuyên viên hỗ trợ giảng dạy và nghiên cứu bên cạnh bổ sung số lượng giảng viên về hưu, chuyển công tác.

2. ĐÀO TẠO

2.1 Mục tiêu chung

Xác lập và hoàn thiện cơ cấu ngành đào tạo, hướng chương trình giáo dục cân bằng giữa mục tiêu hàn lâm và nhu cầu xã hội, điều chỉnh quy mô đào tạo, phương pháp giảng dạy, quản lý đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tạo chuyển biến căn bản về chất lượng đào tạo.

2.2 Đào tạo Đại học

2.2.1 Mục tiêu cụ thể

2.2.1.1 Xác lập cơ cấu ngành Ngữ văn Anh hướng về nghiên cứu các lĩnh vực truyền thống là Văn hóa-Văn học Anh Mỹ và Ngôn ngữ học Anh, đồng thời chú trọng phát triển các ngành đào tạo ứng dụng, đáp ứng nhu cầu xã hội là Biên phiên dịch, Giảng dạy tiếng Anh, Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh và Truyền thông

2.2.1.2 Chương trình giáo dục được nâng chất theo hướng cung cấp tri thức cơ bản, tổng hợp và kỹ năng hiện đại, sáng tạo. Một số môn học tiếp cận chuẩn khu vực/quốc tế trên có sở Khung trình độ chung châu Âu về ngoại ngữ CEFR;

2.2.1.3 Tăng cường nâng chất lượng các hệ đào tạo ngoài chính quy đến gần chất lượng chương trình đào tạo chính quy bằng 1.

2.2.1.4 Quy mô đào tạo hợp lý đối với các phương thức và loại hình đào tạo; góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, quảng bá “thương hiệu” của trường.

2.2.1.5 Phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp với yêu cầu của học chế tín chỉ.

2.2.1.6 Quy trình quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ ngày càng hoàn thiện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại.

2.2.2 Nhóm giải pháp

2.2.2.1 Về chương trình đào tạo

- Thành lập chuyên ngành mới là Business English (Tiếng Anh thương mại) cho chương trình chính quy. Mở thêm các học phần và sau đó là các chuyên ngành có nhu cầu xã hội cao (Tiếng Anh du lịch, Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh và Truyền thông...).
- Đề xuất nhân hệ số 2 môn tiếng Anh trong kỳ thi tuyển sinh của tất cả các hệ đào tạo, bao gồm chính quy bằng 1, VB2, Liên thông đại học, Vừa làm vừa học.
- Đề xuất sinh viên năm 1, 2 được miễn học các môn kỹ năng ngôn ngữ khi xuất trình chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn thời hạn (theo chuẩn bên dưới). Đề cương của các môn học này đã được tổ chức Cambridge –ESOL đánh giá theo chuẩn Châu Âu CEFR và xác định mức độ tương xứng với thang điểm của các chứng chỉ quốc tế. Điều này xác định mức độ đạt chuẩn quốc tế của các môn kỹ năng (các môn Language Skills1-4). Ngoài ra, đây sẽ tạo điều kiện cho các sinh viên đạt đúng trình độ cần có của từng cấp lớp có thời gian để học nhanh hoặc đăng ký học các môn liên thông với các ngành khác

Học phần	Môn học	Số TC	Khung CEFR	Chứng chỉ tương ứng	TOEFL iBT	TOEFL ITP	TOEIC
1	Language Skills 1 (1A & 1B)	4+2	B1	PET 70-100 IELTS 4.5	53	474	526
2	Language Skills 2 (2A & 2B)	4+2	B2	FCE 60-74 IELTS 5.5	75	532	671

3	Language Skills 3 (3A & 3B)	4+2	B2+	FCE 75-79 IELTS 6.	81	551	731
4	Language Skills 4 (4A & 4B)	4+2	C1	FCE 80-100 IELTS 6.5	100	589	846

- Đăng ký mở thí điểm chương trình đào tạo hệ Cao đẳng tiếng Anh do khoa Ngữ văn Anh phụ trách. Sinh viên lớp Song ngữ Nga Anh sẽ phải đăng ký học cùng chương trình với sinh viên Ngữ văn Anh, do khoa Ngữ văn Anh trực tiếp quản lý và giảng dạy. Sinh viên được cấp bằng Cao đẳng ngành Tiếng Anh. Sau khi hoàn tất chương trình cao đẳng, nhóm sinh viên này sẽ được ưu tiên tuyển thẳng vào chương trình Liên thông đại học do khoa Ngữ văn Anh phụ trách.

Nếu phương án này không được chấp nhận, khoa Ngữ văn Nga sẽ tự lực phát triển đội ngũ giảng dạy và quản lý chương trình

- Đăng ký thí điểm mở chương trình ngành 2 với Đại học Kinh tế-Luật
- Thiết kế đề cương chung cho các môn nghiên cứu dưới dạng seminar để tập trung nguồn lực của giảng viên, học viên cao học và sinh viên đại học vào công tác nghiên cứu ;
- Tăng cường các chương trình liên kết với đại học trong khu vực , De la Salle, Chosun, Kansai , Đại học Quốc gia Singapore NUS

2.2.2.2 Về quy mô đào tạo

- Tăng quy mô hệ chính quy qua chương trình cao đẳng chính quy (xem mục 2.2.2.1)
- Giảm quy mô các hệ ngoài chính quy buổi tối vì Khoa không thể tìm đủ số lượng giảng viên giỏi, có kinh nghiệm nhận dạy buổi tối với thù lao giảng dạy thấp hơn các TTNN ngoài trường hay các trường khác. (Nếu muốn tiếp tục quy mô hiện nay, nhà trường cần cho phép khoa Ngữ văn Anh có cơ chế riêng, được phép điều chỉnh mức thù lao giảng dạy trong phạm vi quỹ giảng dạy của hệ VLVH, VB2, Liên thông đại học).

- Chuyển đổi dần hệ VLVH vào hệ thống chính quy tương tự như hệ VB2, Liên thông để sinh viên nhận được bằng cấp chính quy (tránh tâm lý phân biệt tên gọi VLVH tại một số đơn vị tuyển dụng). Giải pháp là chuyển đổi sang hình thức chương trình Cao đẳng chính quy để sau đó tuyển thẳng qua Liên thông đại học.

2.2.2.3 Về phương pháp giảng dạy

- Khuyến khích giảng viên các môn lý thuyết tăng cường các hoạt động giao tiếp giữa sinh viên-sinh viên, sinh viên –giảng viên;
- Gửi phiếu khảo sát đến từng lớp sau các khóa học để giúp giảng viên điều chỉnh phương pháp;
- Tăng cường các buổi họp bộ môn ít nhất 1 lần/tháng để trao đổi kinh nghiệm giảng dạy cũng như cập nhật và nâng cao kiến thức môn học.

2.2.2.4 Về quản lý đào tạo

- Thực hiện quy định của nhà trường về vai trò của cố vấn học tập
- Áp dụng các cải tiến của phòng Đào tạo về việc quản lý điểm;
- Đề xuất với nhà trường giúp quản lý các điều kiện tiên quyết khi đăng ký môn học chuyên ngành, không để tình trạng sinh viên đăng ký các môn tiếp theo dù không đạt các môn tiên quyết trước đó.

2.2.2.5 Chỉ tiêu thực hiện

Tổ chức hội thảo về phương pháp giảng dạy của các bộ môn 1 lần/năm vào cuối tháng 8 hằng năm.

Mở thêm 1 chuyên ngành sâu, viết thêm ít nhất 2 đề cương mới cho mỗi chuyên ngành hiện hữu,

Mỗi năm có ít nhất 1 đợt tập huấn chuyên môn cho giảng viên tại các lớp hệ VLVH, VB2, Liên thông đại học.

2.3 Đào tạo Sau đại học

2.3.1 Chương trình đào tạo

- Rà soát nội dung, bổ sung các đề cương môn học mới khoảng 2 năm/lần.
- Đề xuất tính điểm hệ số 2 cho môn tiếng Anh trong kỳ thi tuyển sinh đầu vào của chương trình cao học chuyên ngành ‘Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh’ của khoa Ngữ văn Anh.

- Đề xuất miễn thi môn tiếng Anh trong kỳ thi tuyển sinh đầu vào của chương trình cao học chuyên ngành ‘Lý luận và phương pháp giảng dạy’ cho các đối tượng có bằng cử nhân đúng chuyên ngành tiếng Anh và có các chứng chỉ quốc tế TOEFL iBT 90 và IELTS 6.5 còn thời hạn lúc nộp đơn.

2.3.2 Quy mô đào tạo

- Đăng ký mở chương trình đào tạo Thạc sĩ , Tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh (dự kiến tuyển sinh năm 2013)
- Đăng ký chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ với Đại học De La Salle –Manila (the Phillipnes) (dự kiến năm 2012)

2.3.3 Phương pháp giảng dạy, học tập nghiên cứu

- Tăng cường phương pháp tự nghiên cứu của học viên cao học thể hiện qua các báo cáo chuyên đề trong các tiết học;
- Kết hợp kiến thức lý thuyết với thực tiễn giảng dạy bằng việc khuyến khích HVCH tham gia giảng dạy tại các lớp buổi tối của khoa.

2.3.4 Chỉ tiêu thực hiện

- Tổ chức hội thảo về chương trình , phương pháp giảng dạy, đánh giá luận văn Thạc sĩ tháng 12/2011
- Tổ chức HVCH báo cáo tiến độ thực hiện luận văn vào tháng 6 và 12 hằng năm.

3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

3.1 Mục tiêu chung

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và gắn kết nghiên cứu lý thuyết với thực tế sử dụng .

3.2 Mục tiêu cụ thể:

Xây dựng năng lực nghiên cứu của giảng viên

3.3 Nhóm giải pháp:

3.3.1 Về hướng nghiên cứu:

- Tập trung vào 2 lĩnh vực truyền thống là Ngôn ngữ Anh và Văn hóa-văn học Anh Mỹ.
- Áp dụng các thành tựu nghiên cứu trên thế giới để đưa vào thực tiễn phục vụ nhu cầu xã hội như biên dịch, phiên dịch, giảng dạy tiếng Anh

3.3.2 Về xây dựng năng lực nghiên cứu:

3.3.2.1 Lập đề án thành lập “Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng” của khoa Ngữ văn Anh;

- Dự kiến nhân sự: 04 người, gồm 1 Giám đốc, 2 Phó GD, 1 Thư ký (TS. Phó Phương Dung, TS. Hoàng Thạch Quân, NCS. Lê Nguyễn Minh Thọ, TS. Lê Hoàng Dũng; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Dung,...)
- Phương hướng hoạt động: Tập trung vào 2 mảng : nghiên cứu và ứng dụng các thành quả nghiên cứu để phục vụ nhu cầu xã hội:
 - ✓ thực hiện các đề án nghiên cứu về ngôn ngữ Anh, phương pháp giảng dạy tiếng Anh, văn hóa, văn học của các nước nói tiếng Anh
 - ✓ tổ chức các lớp chuyên đề có cấp chứng chỉ về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, các lớp bồi dưỡng về ngữ học, văn học, văn hóa, biên phiên dịch,
 - ✓ tổ chức ngân hàng đề thi tiếng Anh theo chuẩn CEFR để cung cấp đề thi cho các kỳ kiểm tra tiếng Anh tùy theo mục đích, yêu cầu cụ thể của các đơn vị trong và ngoài trường.
- Tài chính: Sử dụng quỹ giảng dạy thừa của các hệ ngoài chính quy để hỗ trợ trong thời gian 3 năm đầu, sau đó sẽ tự chủ tài chính dựa vào nguồn tài chính từ các lớp do Trung tâm tổ chức, kinh phí thực hiện các đề tài nghiên cứu, thù lao ra đề thi... cũng như thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho trường.

3.2.2.2 Hội thảo khoa học:

- Tổ chức hằng năm các buổi hội thảo thường lệ như:
- Hội thảo quốc tế về phương pháp giảng dạy tiếng Anh
- Hội thảo về phương pháp dạy môn biên phiên dịch
- Hội thảo về văn hóa Anh-Mỹ
- Các buổi hội thảo liên kết với các đơn vị nước ngoài có mối quan hệ với khoa như tổ chức CHEER và các học giả quốc tế

3.3.2.3 Liên kết các hoạt động nghiên cứu với các trường, đơn vị đã có quan hệ với khoa như LaTrobe, Cheer ... cũng như các đơn vị mới như De la Salle University-Manila (DLSU-M), National University of Singapore (NUS), Newcastle Univeristy, Kansai University (Japan), ...

4. HỢP TÁC QUỐC TẾ

4.1 Mục tiêu chung: Phát huy thế mạnh của trường trong hợp tác quốc tế để đẩy mạnh hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực; tăng cường hiệu quả hợp tác với các đối tác quốc tế.

4.2 Mục tiêu cụ thể:

4.2.1 củng cố và mở rộng quan hệ với các trường trong khu vực Đông Nam Á

4.2.2 Tăng cường năng lực hợp tác quốc tế của khoa nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực.

4.3 Nhóm giải pháp:

4.3.1 Phát triển các chương trình liên kết đào tạo:

Đăng ký chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ và TSĩ với Đại học De La Salle-Manila (the Philippines)

4.3.2 Tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế, phát triển các chương trình trao đổi giảng viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh và giáo viên tình nguyện

- Đẩy mạnh quan hệ với CHEER tổ chức các buổi tập huấn cho giáo viên tiếng Anh;
- Đặt quan hệ với các tổ chức quốc tế khác để tranh thủ nguồn tài trợ như tài liệu giảng dạy, các chương trình tập huấn giảng viên.
- Mở rộng quan hệ với các đại học quốc tế để trao đổi sinh viên, học giả và đề tài nghiên cứu (Đại học Newcastle, Đại học Queensland, Đại học Leipzig,...)

5. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ-TƯ TƯỞNG, CÔNG TÁC SINH VIÊN

5.1 Mục tiêu chung: Tạo môi trường chính trị - xã hội tốt để CBVC, sinh viên, học viên công tác, học tập, rèn luyện

5.2 Công tác chính trị - tư tưởng:

5.2.1 Mục tiêu cụ thể:

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và các tổ chức trong trường.
- Giáo dục, nâng cao ý thức công dân, bản lĩnh chính trị của các thành viên trong trường, tạo sự thống nhất về tư tưởng, lập trường chính trị trong CBVC theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật và Nhà nước.

5.2.2 Nhóm giải pháp:

- Củng cố và nâng cao ý thức công dân, bản lĩnh chính trị trong CBVC thông qua các buổi họp khoa, các buổi sinh hoạt chính trị; phát huy tinh thần dân chủ, tính năng động, sáng tạo của CBVC, phát huy tốt tinh thần “kỷ cương – trách nhiệm - dân chủ - lợi ích”.
- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Chi ủy, vai trò quản lý của Ban Chủ nhiệm khoa
- Xử lý kiên quyết, triệt để tình trạng thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật, ý thức công dân kém; tăng cường đối thoại, giải quyết nhanh chóng, có tình có lý các vụ khiếu nại, tố cáo; giải quyết tốt chính sách đối với CBVC nghỉ hưu.

5.3 Công tác sinh viên:

5.3.1 Mục tiêu cụ thể:

- Tạo môi trường chính trị, xã hội tốt để sinh viên trường học tập, rèn luyện.
- Hoàn thiện bộ máy quản lý, có chuyên viên đảm nhiệm công tác sinh viên
- Thiết lập và khai thác các mối quan hệ với doanh nghiệp để tạo thêm nguồn lực cho các hoạt động của nhà trường, đặc biệt là công tác hỗ trợ sinh viên đi thực tập thực tế; duy trì mối liên hệ thường xuyên và tranh thủ sự ủng hộ của cựu sinh viên trong các hoạt động của nhà trường.

5.3.2 Nhóm giải pháp:

- Áp dụng Quy chế công tác sinh viên của trường; tổ chức định kỳ và nâng cao chất lượng các buổi đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với sinh viên.
- Đẩy mạnh cuộc vận động ‘Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh’ và các phong trào của nhà trường;
- Nâng cao ý thức công dân, tạo sự thống nhất về tư tưởng lập trường chính trị của CBVC;
- Thiết lập mối quan hệ với các doanh nghiệp để tạo điều kiện hỗ trợ tài chính hoặc giúp sinh viên tìm việc làm;
- Triển khai thực hiện tốt 10 tiêu chuẩn đánh giá công tác sinh viên;

- Vận động sinh viên tham gia các khóa học về kỹ năng mềm do Trường tổ chức;
- Cùng cố và tổ chức thêm các câu lạc bộ học thuật của SV

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI CHÍNH

6.1 Mục tiêu chung

6.2 Cơ sở vật chất:

6.2.1 Mục tiêu cụ thể: Tranh thủ sự hỗ trợ từ trường và các nguồn khác để có được cơ sở vật chất tối thiểu của một khoa ngoại ngữ.

6.2.2 Giải pháp:

- Tranh thủ nguồn tài chính của trường hoặc các nguồn khác (dự án của World Bank) để xây dựng một phòng nghiên cứu, sinh hoạt chuyên môn cho giảng viên , một phòng đa phương tiện multimedia
- Đề xuất với nhà trường phân bổ một dãy phòng được thiết kế đúng chuẩn dành cho lớp dạy ngoại ngữ tại dãy nhà học C, cơ sở Linh Trung. Đây là cơ sở để khoa phấn đấu đạt chuẩn kiểm định .
- Nâng cấp trang thiết bị cho TTâm tư liệu Anh ngữ (ERC) để phục vụ nghiên cứu và giảng dạy bậc đại học và sau đại học của khoa; có thể mở rộng khả năng phục vụ cho các trường bạn

6.3 Tài chính

6.3.1 Mục tiêu cụ thể:

- Tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên của khoa.
- Tăng cường các hoạt động để có nguồn thu đóng góp cho nhà trường.

6.3.2 Nhóm giải pháp:

- Tạo nguồn thu bằng cách đẩy mạnh việc thực hiện các dự án mở các lớp đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ, các đề án nghiên cứu khoa học của Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng của khoa.
- Đề xuất với nhà trường cho phép khoa Anh có cơ chế linh động để tăng thù lao giảng dạy các lớp buổi tối (hạn chế trong tỉ lệ dành cho quỹ giảng dạy) nhằm

giảm cách biệt giữa thù lao của trường với các đơn vị ngoài trường. Chính sách này sẽ giúp thu hút giảng viên cơ hữu giỏi tham gia dạy các lớp buổi tối và sẽ nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như tạo ổn định được tâm lý của giảng viên khi có thu nhập cao tại trường.

7. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

7.1 Mục tiêu cụ thể

- Có cơ sở dữ liệu đầy đủ, phục vụ cho công tác tự đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn.
- Ít nhất một CTGD của Khoa được đánh giá ngoài chính thức theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA

7.2 Nhóm giải pháp:

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ổn định cho Tổ Đảm bảo chất lượng của đơn vị; thực hiện nghiêm và có chất lượng các mảng công tác theo nhiệm vụ và chức năng, trên cơ sở rà soát và đánh giá kết quả thực hiện công tác của mỗi năm học, của mỗi giai đoạn phát triển ở từng đơn vị.
- Rà soát việc lưu trữ các văn bản, quyết định, biên bản các cuộc họp chuyên môn, sinh hoạt khoa để làm minh chứng chuẩn bị cho việc đăng ký kiểm định AUN-QA cấp chương trình đào tạo trong năm 2015.
- Đôn đốc các đơn vị đảm bảo việc lưu giữ các minh chứng.
- Thường xuyên thực hiện các đợt dự giờ cơ sở đào tạo VLVH do Khoa Ngữ văn Anh quản lý, các lớp thuộc hệ VB2 và Liên thông đại học.
- Lập kế hoạch đánh giá chương trình đào tạo, lấy ý kiến của các đơn vị cơ quan.

1. LOGFRAME

Chương trình 1: Phát triển nguồn nhân lực						
Mục tiêu chiến lược: Phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ hỗ trợ của Khoa nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác giảng dạy của các hệ đào tạo						
Mục tiêu cụ thể 1. Rà soát lại tỉ lệ Giảng viên/SV (tính theo tổng số SV CQ; chưa tính các hệ đào tạo VB2, Hoàn thiện, VLVH, Cao học) 2. Tăng cường số lượng GV đạt tiêu chuẩn giảng dạy (tuy nhiên Khoa gặp khó khăn cần nhà trường mở rộng hơn về cơ chế 1nhân sự: Khoa không đủ nguồn GV tham gia giảng dạy các hệ ngoài chính quy nên phải dựa vào số lượng lớn GV mời giảng)						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Kết quả: 1. Tỷ lệ GV/SV 2. Cơ cấu GV (CN, Th.S, TS/ tổng số GV) 3. Cơ cấu CV (CV/tổng GV+CV)	1. 2. 0; 08; 25/33 (10GV học ở nước ngoài) 3. 13/53	1. 2. 0; 10; 27/37 (10GV học ở nước ngoài) 3. 17/61	1. 2. 0; 12; 29/41 (10GV học ở nước ngoài) 3. 18/66	1. 2. 0; 14; 31/43 (10GV học ở nước ngoài) 3. 18/70	1. 2. 0; 16; 33/45 (10GV học ở nước ngoài) 3. 17/74	- Sự quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện của Nhà trường - Nhà Trường tạo điều kiện thuận lợi/ thông thoáng hơn về tuyển dụng GV cho Khoa NVA - Trường nên xác định lại vai trò của Khoa NVA trong chiến lược phát triển của
Hoạt động 1. Tăng chỉ tiêu tuyển dụng	Tuyển thêm	Tuyển thêm 4 GV, 4	Tuyển thêm 4 GV,	Tuyển	Tuyển thêm	

hàng năm.	6 GV (2 ThS, 4 CV)	CV Giáo vụ các hệ không chính quy (VB2, HT, VLVH, Cao học)	1CV (giáo vụ hệ Cao đẳng)	thêm 4 GV	4 GV	trường trong định hướng liên thông, hợp tác và hội nhập với Khu vực và Quốc tế cũng như định hướng Đại học nghiên cứu của Trường
2. Gửi CBVC ra nước ngoài học tập, tập huấn, giảng dạy (trao đổi)	2 học ThS 2 học TS 1-2 GV/CBQL trao đổi/ tham quan học tập	2 học ThS 2 học TS 1-2 GV/CBQL trao đổi/ tham quan học tập	2 học ThS 2 học TS 1-2 GV/CBQL trao đổi/ tham quan học tập	2 học ThS 2 học TS 1-2 GV/CBQL trao đổi/ tham quan học tập	2 học ThS 2 học TS 1-2 GV/CBQL trao đổi/ tham quan học tập	- Nguồn học bổng (GV chủ động) - Nguồn hỗ trợ từ Trường (có quy định rõ ràng)
3. Tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho GV (thu nhập, môi trường làm việc, cơ sở vật chất)						Trường cần có cơ chế <u>khuyến khích</u> , <u>ưu đãi</u> các nhà giáo rõ ràng/ thông báo rộng rãi

Chương trình 2: Đào tạo						
Mục tiêu chiến lược:						
Đổi mới chương trình đào tạo đại học và cao học theo chuẩn quốc tế nhằm tạo điều kiện để liên thông, liên kết với các cơ sở đào tạo có CTĐT ngành Ngữ văn Anh, hoặc tương đương, trong khu vực						
Mục tiêu cụ thể						
1. Rà soát, củng cố lại CTĐT bậc đại học ngành Ngữ văn Anh và cao học TESOL						
2. Bổ sung thêm môn học, chuyên ngành mới, CTĐT mới cho phù hợp với xu hướng đào tạo, nhu cầu đào tạo của xã hội						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Kết quả: 1. CTĐT Đại học được hoàn chỉnh, cập nhật hơn 2. CTĐT Sau đại học được hoàn chỉnh, cập nhật hơn 3. Xây dựng CTĐT mới/ Liên kết với nước ngoài		Tháng 8: Chuẩn bị hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo ThS, TS Ngôn ngữ Anh CT liên kết với ĐH De La Salle-Manila	Tháng 1: Trình duyệt CTĐT ThS, Tiến sĩ Ngôn ngữ Anh Tháng 10: chuẩn bị tuyển sinh	Các CTGD tiếp tục được duy trì và mở rộng	Các CTGD tiếp tục được duy trì và mở rộng	Nhà Trường cho phép Khoa Anh có cơ chế hoạt động /tài chính riêng, phù hợp với đặc thù của Khoa nhằm có thể thu hút được nhân tài phục vụ cho giảng dạy

<p>Hoạt động</p> <p>1. Lập phương án mở chuyên ngành Business English cho bậc đại học NVA (có 30/ 141 tín chỉ khác với các chuyên ngành hiện có của CTĐT cử nhân NVA)</p>	<p>Tháng 10:</p> <p>-Chuẩn bị nhân sự</p> <p>-Biên soạn đề cương môn học</p> <p>- Thông qua hội đồng khoa học khoa</p>	<p>Tháng 1:</p> <p>Trình nhà trường duyệt chuyên ngành Business English</p> <p>Tháng 2:</p> <p>SV có thể theo học chuyên ngành này</p>	<p>SV có thể theo học chuyên ngành này</p>	<p>SV có thể theo học chuyên ngành này</p>	<p>SV có thể theo học chuyên ngành này</p>	<p>Trường phải đảm bảo và tạo điều kiện cho Khoa có đủ nguồn lực về nhân sự và tài chính cho chương trình.</p>
<p>2. Rà soát, cập nhật và bổ sung môn học mới vào CTĐT Cử nhân NVA</p>	<p>Hoàn chỉnh và bổ sung các học phần nghiên cứu</p> <p>Đề xuất nhân hệ số 2 cho môn tiếng Anh trong kỳ thi tuyển đầu vào hệ CQ, VB2, VLVH</p>	<p>Hoàn chỉnh và bổ sung các học phần nghiên cứu (môn tự chọn) dưới dạng seminar cho cả 3 chuyên ngành hiện có của CTĐT Cử nhân</p>	<p>Tiếp tục rà soát, bổ sung, cập nhật môn học, tài liệu học tập hàng năm</p>	<p>Tiếp tục rà soát, bổ sung, cập nhật môn học, tài liệu học tập hàng năm</p>	<p>Tiếp tục rà soát, bổ sung, cập nhật môn học, tài liệu học tập hàng năm</p>	
<p>3. Đề xuất mở thí điểm CTĐT chính quy hệ Cao đẳng ngành tiếng</p>		<p>Tháng 9:</p> <p>Mở thí điểm CTĐT chính quy</p>				

<p>Anh</p> <p>Thay đổi phương thức quản lý các lớp CĐ Anh-Nga</p>		<p>hệ Cao đẳng ngành tiếng Anh từ nguồn Song ngữ Nga-Anh</p>				
	<p>Khoa đề xuất Trường chọn 1 trong 2 khả năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoa NVA mở CTĐT cao đẳng hệ chính quy: do Khoa NVA trực tiếp quản lý và phụ trách về chuyên môn. SV Cao đẳng Nga-Anh phải theo học với chương trình này. - Khoa Ngữ văn Nga tự xây dựng đội ngũ giảng dạy và quản lý toàn bộ CTĐT Song ngữ Nga Anh 					
<p>4. Rà soát CTĐT Cao học TESOL</p>	<p>Đề xuất nhân hệ số 2 cho môn tiếng Anh trong kỳ thi tuyển đầu vào hệ cao học TESOL</p>	<p>Khoa đề xuất Trường chấp nhận miễn thi đầu vào cho các đối tượng có bằng CN đúng chuyên ngành tiếng Anh <u>và</u> có các chứng chỉ quốc tế TOEFL iBT 90 và IELTS 6.5 còn thời hạn lúc nộp đơn</p>	<p>Tiếp tục rà soát, bổ sung, cập nhật môn học, tài liệu học tập hàng năm</p>	<p>Tiếp tục rà soát, bổ sung, cập nhật môn học, tài liệu học tập hàng năm</p>	<p>Tiếp tục rà soát, bổ sung, cập nhật môn học, tài liệu học tập hàng năm</p>	
<p>5. Lập phương án liên kết đào tạo chương trình đôi (double degree) với Đại học Kinh tế-Luật (ĐHQG-HCM)</p>		<p>Soạn thảo phương án Làm việc với ĐH Kinh tế-Luật</p>	<p>Đề xuất với Trường và ĐHQG về việc mở chương trình</p>	<p>Triển khai kế hoạch</p>	<p>Triển khai kế hoạch</p>	<p>Trường phải đảm bảo và tạo điều kiện cho Khoa có đủ nguồn lực về nhân sự và tài chính cho chương trình.</p>

Chương trình 3: Nghiên cứu Khoa học						
Mục tiêu chiến lược:						
Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của Khoa Ngữ văn Anh, mở rộng phạm vi và khả năng ứng dụng của các công trình khoa học vào thực tiễn giảng dạy và học tập Tiếng Anh tại Khu vực phía Nam						
Mục tiêu cụ thể						
1. Tạo điều kiện và môi trường nghiên cứu chuyên ngành thật tốt						
2. Tạo điều kiện cho giảng viên tiếng Anh trong và ngoài trường trao đổi, sinh hoạt học thuật						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Kết quả:						
1. Thành lập trung tâm nghiên cứu		1				Trường phải có cơ chế khuyến khích và GV tham gia NCKH, xem đây là nhiệm vụ và nghĩa vụ của mỗi GV
2. Số lượng GV tham gia NCKH	20%	30%	40%	50%	60%	
3. Số lượng hội thảo/ hội nghị được tổ chức						
- Trong nước	2-3	2-3	2-3	2-3	2-3	
- Quốc tế		1-2	1-2	1-2	1-2	
Hoạt động						
1. Lập đề án thành lập “trung tâm nghiên cứu và ứng dụng” của Khoa Ngữ văn Anh		Lập đề án, hoàn thiện đội ngũ, quy trình/ kế hoạch hoạt động, dự	Trung tâm chính thức hoạt động (nhờ các nguồn kinh phí của Khoa)	Trung tâm chính thức đầu hoạt động (nhờ các nguồn kinh phí của	Trung tâm chính thức đầu hoạt động (tự chủ tài chính)	Trung tâm được tự chủ về tài chính (trong phạm vi nhà trường cho phép, Khoa có kế hoạch cụ thể trình BGH)

		toán tài chính (tt) (nhờ các nguồn kinh phí của Khoa)		Khoa)		
<p>2. Tổ chức hội thảo khoa học hàng năm (do “trung tâm nghiên cứu và ứng dụng” đảm trách)</p> <p>- Trong nước</p> <p>- Quốc tế</p>	1	1 1	1 1	1 1	1 1	<p>Trường phải có cơ chế khuyến khích và GV tham gia NCKH, xem đây là nhiệm vụ và nghĩa vụ của mỗi GV</p>
<p>3. Khuyến khích GV của Khoa tham gia NCKH, báo cáo tại hội thảo</p>			<p>Xuất bản Tạp chí chuyên ngành của Khoa, tạo điều kiện cho các bài báo/ nghiên cứu khoa học được đăng</p>	<p>Xuất bản Tạp chí chuyên ngành của Khoa, tạo điều kiện cho các bài báo/ nghiên cứu khoa học được đăng</p>	<p>Xuất bản Tạp chí chuyên ngành của Khoa, tạo điều kiện cho các bài báo/ nghiên cứu khoa học được đăng</p>	<p>Trường phải có cơ chế khuyến khích và GV tham gia NCKH, xem đây là nhiệm vụ và nghĩa vụ của mỗi GV</p>

Chương trình 4: Hợp tác quốc tế						
Mục tiêu chiến lược:						
Củng cố và đẩy mạnh quan hệ hợp tác với khu vực và quốc tế, nâng cao hình ảnh và vai trò của Khoa Ngữ văn Anh trong nước và khu vực						
Mục tiêu cụ thể						
1. Đẩy mạnh hợp tác với các trường, tổ chức nước ngoài						
2. Tận dụng tối đa các nguồn lực hỗ trợ bên ngoài cho sự phát triển chung của Khoa						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Kết quả: 1. Quan hệ hợp tác, giao lưu với các trường, GV, SV nước ngoài được mở rộng 2. Nhận được thêm hỗ trợ (về học thuật, tài chính) 3. Số SV giao lưu/ trao đổi học thuật tăng						- Sự hỗ trợ của HTQT Trường - Bộ phận phụ trách mảng HTQT của Khoa năng động, đủ thời gian để chuyên trách
Hoạt động 1. Tiếp tục/ Đẩy mạnh mối quan hệ với tổ chức CHEER	- Tổ chức 1 lớp tập huấn cho GV trong và ngoài Khoa	- Tổ chức 1 lớp tập huấn cho GV trong và ngoài Khoa	- Tổ chức 1-2 lớp tập huấn cho GV trong và ngoài Khoa	- Tổ chức 1-2 lớp tập huấn cho GV trong và ngoài Khoa	- Tổ chức 1-2 lớp tập huấn cho GV trong và ngoài Khoa	
2. Chủ động đặt quan hệ với các tổ	Hình thành nhóm tổ	Giới thiệu các nhu	Giới thiệu các nhu	Giới thiệu các nhu	Giới thiệu các nhu	Giới thiệu các nhu cầu được

chức, đơn vị để tranh thủ nguồn tài trợ	chức sự kiện hàng năm và kèm kế hoạch xin tài trợ (có SV / Đoàn TN tham gia)	câu được tài trợ ra bên ngoài	câu được tài trợ ra bên ngoài	câu được tài trợ ra bên ngoài	tài trợ ra bên ngoài	
3. Trao đổi SV, GV, học giả với các trường ĐH nước ngoài		Lập chương trình trao đổi (có thể lồng ghép vào thực tập của SV)	Tổ chức ít nhất 1 đoàn SV giao lưu với trường nước ngoài	Tổ chức ít nhất 1 đoàn SV giao lưu với trường nước ngoài	Tổ chức ít nhất 1 đoàn SV giao lưu với trường nước ngoài	

Chương trình 5: Cơ sở vật chất – tài chính

Mục tiêu chiến lược:

Tạo điều kiện và môi trường giảng dạy, nghiên cứu và học tập thuận lợi cho GV, SV, học viên của Khoa

Mục tiêu cụ thể

1. Đảm bảo điều kiện làm việc nghiên cứu, giảng dạy của mọi GV
2. Đảm bảo điều kiện học tập & nghiên cứu của SV, học viên

	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Kết quả: 1. Được trang bị 01 phòng nghiên cứu 2. Được trang bị 01 phòng đa phương						Sự quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện của Nhà trường, Trường nên xác định lại vai trò của Khoa NVA trong

tiện riêng cho Khoa 3. Các trang thiết bị cho ERC						chiến lược phát triển của trường trong định hướng liên thông, hợp tác và hội nhập với Khu vực và Quốc tế cũng như định hướng Đại học nghiên cứu của Trường
Hoạt động 1. Đề xuất Trường trang bị 01 phòng sinh hoạt và nghiên cứu khoa học cho Giảng viên Khoa NVA	Quy cách: 1 phòng có sức chứa 50 người, gồm: <ul style="list-style-type: none"> - 1 LCD projector - 1 màn chiếu cố định - 1 bảng trắng (sử dụng bút lông) - 1 OHP (overhead projector) - 1 bàn họp dài cho 10 người - 20 moveable chair (ghế ngồi có bàn kèm theo) - 20 bàn làm việc cho GV có vách ngăn (dạng booth) - 20 bộ máy desktop, phục vụ GV làm việc và NCKH (trang bị kèm theo với 20 bàn làm việc, có kết nối internet) 	Bảo trì Lập kế hoạch cụ thể sử dụng nguồn CSVC được trang bị đạt hiệu quả tối đa, phục vụ tốt cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu.				
2. Đề xuất Trường trang bị 01 phòng multimedia phục vụ giảng dạy và học ngoại ngữ của SV/	Quy cách: 01 phòng có sức chứa 50 người, gồm <ul style="list-style-type: none"> - 1 bàn GV (có thiết bị điều khiển + 1 bộ máy desktop chủ, có ổ DVD, có kết nối 	Bảo trì Lập kế hoạch cụ thể sử dụng nguồn CSVC được trang bị đạt hiệu quả tối đa, phục vụ tốt cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu.				

<p>học viên sau đại học hoặc các lớp tập huấn của Khoa</p>	<p>Internet)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50 booth phục vụ nghe nhìn, mỗi booth có 1 bộ desktop và 1 bộ headset (có tai nghe + micro), có kết nối Internet - 1 màn chiếu cố định trên tường - 1 bảng trắng (sử dụng bút lông) 		
<p>3. Nâng cấp năng lực phục vụ SV và GV của Trung tâm Tư liệu Anh ngữ</p>	<p>Trang bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15 booth học tập có 15 bộ máy desktop, có kết nối internet, mỗi máy có 1 headset (phục vụ SV tự học, tìm tài liệu và nghiên cứu) - 2 bộ WIRELESS Lab (Lab không dây) hiệu ARKON phục vụ dạy và học ngoại ngữ - 1 phần mềm quản lý thư viện ERC (kèm theo server, thẻ từ, máy quét, tạo điều kiện liên thông với TV Trường và TV ĐHQG) 	<p>Bảo trì</p> <p>Lập kế hoạch cụ thể sử dụng nguồn CSVC được trang bị đạt hiệu quả tối đa, phục vụ tốt cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu.</p>	

Chương trình 6: Công tác chính trị, tư tưởng						
Mục tiêu chiến lược: Nâng cao chất lượng công tác sinh viên, tạo niềm cảm hứng vừa hoạt động vừa học tập cho SV nhằm giúp đạt kết quả cao.						
Mục tiêu cụ thể 1. Rà soát và củng cố lại tổ chức, hoạt động của Đoàn TN, Hội SV và SV Khoa NVA 2. Nâng cao chất lượng hoạt động của CLB Tiếng Anh cũng như các phong trào khác 3. Nâng cao hoạt động của câu lạc bộ cựu SV, kết nối SV và cựu SV, nhà tuyển dụng						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Kết quả: 1. Tổ chức Đoàn/Hội được củng cố 2. Các hoạt động phong trào tiếp tục phát triển mạnh và có chất lượng						
Hoạt động 1. Nâng cao chất lượng hoạt động của phong trào SV	Lập chương trình hành động cho SV hệ CQ (QLSV + Đoàn khoa & Hội SV)	Tiếp tục tổ chức các cuộc thi học thuật, giao lưu hàng năm - International	Tiếp tục tổ chức các cuộc thi học thuật, giao lưu hàng năm - International	Tiếp tục tổ chức các cuộc thi học thuật, giao lưu hàng năm - International	Tiếp tục tổ chức các cuộc thi học thuật, giao lưu hàng năm - International Week - English	

		Week - English Speaking Contest - Music Banquet	Week - English Speaking Contest - Music Banquet	Week - English Speaking Contest - Music Banquet	Speaking Contest - Music Banquet	
2. Nâng cao hoạt động của câu lạc bộ cựu SV, kết nối SV và cựu SV, nhà tuyển dụng	CLB Cựu SV rà soát lại hoạt động, đề ra kế hoạch hành động cụ thể	Tổ chức lễ kỷ niệm thành lập Khoa hàng năm	Tổ chức lễ kỷ niệm thành lập Khoa hàng năm	Tổ chức lễ kỷ niệm thành lập Khoa hàng năm	Tổ chức lễ kỷ niệm thành lập Khoa hàng năm	
3. Củng cố các câu lạc bộ học thuật và xã hội của SV	QLSV, Đoàn Khoa rà soát lại hoạt động của CLB Tiếng Anh, CLB Open Heart	Các câu lạc bộ hoạt động tốt, theo đúng điều lệ thành lập và hoạt động	Các câu lạc bộ hoạt động tốt, theo đúng điều lệ thành lập và hoạt động	Các câu lạc bộ hoạt động tốt, theo đúng điều lệ thành lập và hoạt động	Các câu lạc bộ hoạt động tốt, theo đúng điều lệ thành lập và hoạt động	

Chương trình 7: Đảm bảo chất lượng						
Mục tiêu chiến lược:						
Đảm bảo chất lượng đào tạo và các hoạt động đào tạo của Khoa						
Mục tiêu cụ thể						
1. Củng cố hồ sơ, minh chứng phục vụ cho công tác ĐBCL và Kiểm định CL của Khoa						
2. Đảm bảo chất lượng đào tạo và các hoạt động của các hệ đào tạo của Khoa						
	2011	2012	2013	2014	2015	Điều kiện
Kết quả:						
1. Đạt được kết quả cao trong ĐGN AUN			Đạt được kết quả cao trong ĐGN AUN (CTGD	Đạt được kết quả cao trong ĐGN AUN (CTGD		Nhân sự của Tổ ĐBCL đều là kiêm nhiệm rất nhiều việc, không đủ thời gian và nguồn lực để tập trung và chuyên tâm cho công việc Kiểm định CL GV và CB phải ý thức về sự
2. Các hệ Đào tạo của Khoa đều được TĐG và/hoặc Kiểm Định CL			Cử nhân NVA, CQ CNTN)	Cử nhân NVA, CQ VB1)		

						<p>cần thiết và vai trò của Kiểm định CL</p> <p>Sự hỗ trợ đúng mức của Trường về Nhân sự, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ, CSVC, điều kiện giảng dạy, làm việc, nghiên cứu</p>
--	--	--	--	--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

PHỤ LỤC 1 BẢNG ĐỀ XUẤT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

<i>TT</i>	<i>Nội dung/</i>	<i>Số lượng đề xuất</i>	<i>Mô tả quy cách CSVC đề xuất</i>
	Phòng sinh hoạt và nghiên cứu khoa học cho Giảng viên Khoa NVA	1 phòng	<p>Có sức chứa 50 người, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 1 LCD projector • 1 màn chiếu cố định • 1 bảng trắng (sử dụng bút lông) • 1 OHP (overhead projector) • 1 bàn họp dài cho 10 người • 20 moveable chair (ghế ngồi có bàn kèm theo) • 20 bàn làm việc cho GV có vách ngăn (dạng booth) • 20 bộ máy desktop, phục vụ Giảng viên Khoa làm việc và nghiên cứu khoa học (trang bị kèm theo với 20 bàn làm việc, có kết nối internet)
	Phòng multimedia phục vụ giảng dạy và học ngoại ngữ của SV/ học viên sau đại học	1 phòng	<p>Có sức chứa 50 người, gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> • 1 bàn GV (có thiết bị điều khiển + 1 bộ máy desktop chủ, có ổ DVD, có kết nối Internet) • 50 booth phục vụ nghe nhìn, mỗi booth có 1 bộ desktop và 1 bộ headset (có tai nghe + micro), có kết nối Internet

			<ul style="list-style-type: none"> • 1 màn chiếu cố định trên tường • 1 bảng trắng (sử dụng bút lông) • 15 booth học tập có 15 bộ máy desktop, có kết nối internet, mỗi máy có 1 headset (phục vụ SV tự học, tìm tài liệu và nghiên cứu) • 2 bộ WIRELESS Lab (Lab không dây) hiệu ARKON phục vụ dạy và học ngoại ngữ • 1 phần mềm quản lý thư viện ERC (kèm theo server, thẻ từ, máy quét ...)
	Mục tiêu: nâng cấp năng lực phục vụ SV và GV của Trung tâm Tư liệu Anh ngữ		

**PHỤ LỤC 2 THỐNG KÊ GIỜ GIẢNG CHUẨN CỦA
GIẢNG VIÊN KHOA NGỮ VĂN ANH (tính đến tháng 12/2011)
(Theo Quy định giờ chuẩn của Trường năm 2011)**

Định mức giờ chuẩn theo quy định của Trường:

TS/GVC: 320 tiết/năm

ThS/GV: 280 tiết/năm

Miễn giảm giờ chuẩn:

Trưởng Khoa: 30%

Phó Trưởng khoa: 25%

Trưởng Bộ môn: 15%

GVCN: 15%

TT	HỌ TÊN GIẢNG VIÊN	Học vị	Học hàm	Chức vụ/ giờ chuẩn được giảm	Giờ chuẩn theo QĐ	Giờ chuẩn sau khi giảm	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kiều Thu	TS	GVC	Trưởng Khoa, 30%	320	224	
2	Lê Hoàng Dũng	TS	GV	Phó Khoa, 25%	320	240	
3	Nguyễn Tiến Hùng	TS	GVC				HĐ, không phụ trách lớp
4	Trần Thị Minh Phượng	TS	GV		320	320	
5	Phạm Thị Thùy Dương	TS	GV				Đang nghỉ không lương
6	Phó Phương Dung	TS	GVC		320	320	
7	Nguyễn Ngọc Trân châu	TS	GV		320	320	
8	Nguyễn Hoàng Linh	ThS	GVC	Phó Khoa, 25%	320	240	
9	Cao Thị Quỳnh Loan	ThS	GVC		320	320	
10	Nguyễn Thị Như Ngọc	ThS	TrG		280	280	
11	Trần Thị Thanh Diệu	ThS	GV		280	280	
12	Trương Hón Huy	ThS	GVC	Phó Khoa, 25%	320	240	
13	Lê Thị Ngọc Ánh	ThS	GV	Trợ lý/Gvu, 15%	280	238	

14	Võ Thị Nữ Anh	ThS	GV		280	280	
15	<i>Phan Công Chính</i>	ThS	GV	Trưởng BM, 15%	280	238	
16	Cao Thị Phương Dung	ThS	GV	Trợ lý/Gvu, 15%	280	238	
17	Nguyễn Thị Ngọc Dung	ThS	GV	Trợ lý/Gvu, 15%	280	238	
18	Nguyễn Bích Hạnh	ThS	GVC		320	320	
19	Trần Thị Vân Hoài	ThS	GV		280	280	
20	<i>Lê Huy Lộc</i>	ThS	GVC		320	320	
21	Phan Thị Kim Loan	ThS	GVC	Trưởng BM, 15%	320	238	
22	<i>Lê Tuấn Minh</i>	ThS	GV	Trưởng BM, 15%	280	238	
23	Nguyễn Thị Thu Ngân	ThS	GV	Trưởng BM, 15%	280	238	
24	Nguyễn Thị Tuyết Oanh	ThS	GVC		320	320	
25	<i>Lương Thiên Phúc</i>	ThS	GV	Trợ lý/Gvu, 15%	280	238	
26	Nguyễn Anh Quân	ThS	GV	Trợ lý/Gvu, 15%	280	238	
27	<i>Vũ Văn Thái</i>	ThS	GV		280	280	
28	Văn Thị Nhã Trúc	ThS	GV		280	280	
29	Phạm Ngọc Kim Tuyền	ThS	GV		280	280	
30	Trần Hồ Xuân Vui	ThS	GV		280	280	
31	Trần Thị Lê Dung	ThS	GV		280	280	
Tổng số giờ giảng/năm (theo chuẩn)						8126	

Tổng số Giảng viên đang trực tiếp giảng dạy: 31

Tiến sĩ	7
Thạc sĩ	25

Tổng số Giảng viên: 32

GV đang công tác tại khoa	31	1 GV đang tạm nghỉ dạy vì việc riêng
GV đang công tác ở nước ngoài	11	

Tổng số GV Nam: 13 (04 GV đang đi học ở nước ngoài)

Tổng số GV Nữ: 29 (07 GV đang học ở nước ngoài)

PHỤ LỤC 3 THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CƠ HỮU KHOA NGỮ VĂN ANH

STT	HỌ TÊN CB CƠ HỮU	HỌC VỊ	CHỨC DANH		GHI CHÚ
1	Hoàng Tô Uyên	ThS	Chuyên viên	GĐ ERC	
2	Huỳnh Hồ Tường Vân	CN	Chuyên viên	ERC	
3	<i>Nguyễn Trí Thông</i>	CN	Chuyên viên	ERC	
4	Nguyễn Thị Bích Loan	CN	Chuyên viên	ERC	
5	Hồ Thị Thúy Kiều	CN	Chuyên viên	GV Khoa	
6	Nguyễn Đình Lan Anh	CN	Chuyên viên	Thư ký khoa	
7	<i>Đình Tùng Anh</i>	CN	Chuyên viên	Hỗ trợ ĐT&NC	Cao học khóa '09
8	Lâm Như Bảo Trân	CN	Chuyên viên	Hỗ trợ ĐT&NC	Cao học khóa '09
9	Đặng Thị Vân Di	CN	Chuyên viên	Hỗ trợ ĐT&NC	
10	Phan Thị Trà Khúc	CN	Chuyên viên	Hỗ trợ ĐT&NC	Cao học khóa '10
11	<i>Trần Trung Nguyên</i>	CN	Chuyên viên	Hỗ trợ ĐT&NC	
12	Trần Thị Nga	CN	Chuyên viên	Hỗ trợ ĐT&NC	
13	Bùi Huỳnh Thủy Thương	CN	Chuyên viên	Hỗ trợ ĐT&NC	Cao học khóa '07
14	Nguyễn Xuân Triều	CN	Chuyên viên	Hỗ trợ ĐT&NC	Cao học khóa '11
15	Phạm Ngọc Phương Trang	CN	Chuyên viên	Hỗ trợ ĐT&NC	Cao học khóa '11
16	Trần Ngọc Mai Khanh	CN	Chuyên viên	Hỗ trợ ĐT&NC	
17	Đỗ Ngọc Quỳnh Chi	CN	Chuyên viên	Hỗ trợ ĐT&NC	Cao học khóa '11
18	Trần Nguyễn Hồng Ân	CN	Chuyên viên	Hỗ trợ ĐT&NC	Cao học khóa '11

TC: 12 Chuyên viên có thể giảng hệ Cao Đẳng: 12 x 200 tiết (ước tính) = 2400 tiết

Tổng số cán bộ cơ hữu: 18

Tổng số giảng viên & cán bộ cơ hữu Khoa Ngữ văn Anh: 60

Thạc sĩ	1
Cử nhân	17
Nam	4
Nữ	14

Tiến sĩ	7
Thạc sĩ	24 (01ThS là CV)
Cử nhân	17
Nam	17
Nữ	39

PHỤ LỤC 4 THỐNG KÊ GIỜ GIẢNG CÁC HỆ ĐÀO TẠO CỦA KHOA NGỮ VĂN ANH

STT	Bậc & hệ đào tạo	Tổng số tiết giảng mỗi học kỳ	Tổng số tiết giảng mỗi năm học	Ghi chú
1	Cao học, TESOL	240	720	3 học kỳ/năm
2	Cử nhân, CQ VB1 (bao gồm cả CNTT)	6,585	13,170	2 học kỳ/năm
3	Cử nhân, CQ VB2	5,520	16,560	3 học kỳ/năm
4	Cử nhân, Hoàn thiện ĐH	1,920	5,760	3 học kỳ/năm
5	Cử nhân, VLVH Cơ sở Khoa NVA	4,380	13,140	3 học kỳ/năm
6	Cao đẳng, Nga-Anh	720	1,440	2 học kỳ/năm
7	Các lớp ôn thi tuyển sinh các hệ (VB2, HT, VLVH)	390	390	TB 13 lớp/năm (x30t)
Tổng số tiết giảng/năm			51,180	

PHỤ LỤC 5 PHÂN TÍCH SƠ LƯỢC TỈ LỆ GIỜ GIẢNG THEO SỐ GIỜ CHUẨN QUY ĐỊNH VÀ TỔNG SỐ GIỜ GIẢNG THỰC TẾ

Tổng số giờ giảng thực tế	51, 180	
Tổng số giờ giảng theo chuẩn	84 46	
Tổng số giờ giảng vượt mức	42, 734	$42,734/8446 = 5.05/1$ (dư 5 lần)

Số Giảng viên thỉnh giảng/năm: 70

Số tiết trung bình mỗi GV thỉnh giảng/năm: 300

Tổng số tiết giảng do GV thỉnh giảng phụ trách: $300 \times 70 = 21,000$

Số còn lại do GV biên chế/cơ hữu phụ trách: $42,734 - 21,000 = 21,734$

$(21,734/ 8446 = 2.57/ 1)$ gần 2.6 lần.

Các khối lượng công việc khác (chưa được tính vào khối lượng giờ giảng nêu trên):

- Hướng dẫn thực tập thực tế/ thực tập sư phạm hàng năm (3 hệ CQVB1, VB2, Hoàn thiện ĐH)
- Hướng dẫn niên luận (Hệ CNTT)
- Hướng dẫn luận văn cao học
- Hướng dẫn luận văn cử nhân tài năng